| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Văn Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Hoàng Thị Hiệu.

Bà Chu Mai Hương.

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lăng Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn TH, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/01/2026, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Lăng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lăng Thị T và anh Nguyễn Văn TH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện L, nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/10/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi

nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và anh Nguyễn Văn TH không quan tâm đến vợ con và do chị đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài từ năm 2022, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến cuối năm 2025 sau khi chị xuất khẩu lao động về nước thì chị vẫn sinh sống cùng với gia đình anh Nguyễn Văn TH nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, nay yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn TH.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn TH có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Nguyễn Văn TH trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/01con đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang đi lao động xuất khẩu nước ngoài mỗi tháng thu nhập 30.000.000 đồng/tháng, đảm bảo việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2026 anh Nguyễn Văn TH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lăng Thị T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vân Mộng, huyện Lộc Bình, nay là Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/10/2015. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng anh sinh sống cùng với gia đình bố mẹ anh tại thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn cho đến nay. Từ năm 2023 chị Lăng Thị T đã đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, mỗi năm về nhà một lần, tình cảm vợ chồng phai nhạt, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chưa muốn ly hôn do các con còn nhỏ, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Lăng Thị T có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019. Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi 02 con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Lăng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/01con đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang ở nhà, có nguồn thu nhập từ làm nông nghiệp.

Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/02/2026 với bà Mai Thị Hồng là mẹ của anh Nguyễn Văn TH cho biết:

Trong quá trình chung sống anh Nguyễn Văn TH và chị Lăng Thị T có phát sinh mâu thuẫn, có cãi nhau do bất đồng trong quan điểm sống. Chị Lăng Thị T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài từ năm 2023, thỉnh thoảng mới về nhà sinh sống, mong muốn hai con về đoàn tụ. Anh Nguyễn Văn TH

và chị Lăng Thị T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019. Khi anh Nguyễn Văn TH và chị Lăng Thị T đi làm ăn thì bà ở nhà hỗ trợ anh TH chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đảm bảo các cháu được nuôi dưỡng tốt.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/02/2026 với ông Hoàng Văn P, Tổ Trưởng Tổ an ninh cơ sở thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết:

Anh Nguyễn Văn TH và chị Lăng Thị T kết hôn từ năm 2015, sau khi hết hôn thì chị Lăng Thị T chung sống cùng gia đình anh Nguyễn Văn TH tại thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn cho đến nay. Từ năm 2023 chị Lăng Thị T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, thỉnh thoảng có về nhà một thời gian ngắn rồi lại tiếp tục đi làm, còn anh Nguyễn Văn TH sinh sống ở địa phương, chủ yếu làm nông nghiệp. Anh Nguyễn Văn TH và chị Lăng Thị T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019. Trong thời gian chị Lăng Thị T đi xuất khẩu lao động nước ngoài thì hai con chung do anh Nguyễn Văn TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có mẹ anh Nguyễn Văn TH hỗ trợ anh Nguyễn Văn TH trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và hiện nay thấy 02 cháu được chăm sóc đảm bảo và nuôi dưỡng phát triển bình thường. Tại địa phương để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng 01 cháu nhỏ phát triển bình thường khoảng 2.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật (Điều 227, 228);

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của các đương sự, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lăng Thị T và anh Nguyễn Văn TH mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lăng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn TH.

Về con chung: Chị Lăng Thị T và anh Nguyễn Văn TH có 02 con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019. Hiện nay các con đang sống cùng anh Nguyễn Văn TH và bố mẹ của anh Nguyễn Văn TH, đảm bảo ổn định môi trường sống và học tập của các con, do đó tiếp tục giao con cho anh Nguyễn Văn TH nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lăng Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/01con đến khi 02 con đủ 18 tuổi phù hợp với ý kiến của anh Nguyễn Văn TH, nên đề nghị chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lăng Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Lăng Thị T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Văn TH đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lăng Thị T, anh Nguyễn Văn TH theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn TH, cư trú tại thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lăng Thị T và anh Nguyễn Văn TH đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện L, nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015, ngày 22/10/2015, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Nguyễn Văn TH xác định tình cảm không còn nhưng không muốn ly hôn, yêu cầu về đoàn tụ vì các con còn nhỏ. Qua quá trình xác minh tại địa phương cũng như gia đình của anh Nguyễn Văn TH thì từ năm 2023 chị Lăng Thị T đi xuất khẩu lao động, mỗi năm về nhà sinh sống 01 lần, dẫn đến vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến cuối năm 2025 chị

Lăng Thị T đi xuất khẩu lao động về, mặc dù sinh sống cùng nhà với anh Nguyễn Văn TH nhưng bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lăng Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn TH có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Nguyễn Văn TH sinh sống cùng gia đình có nguồn thu nhập từ làm nông nghiệp, có nhà ở tại thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn và có mẹ đẻ là bà Mai Thị H hỗ trợ việc chăm sóc con nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Bản thân chị Lăng Thị T thường xuyên đi lao động xuất khẩu lao động, không có thời gian và điều kiện chăm sóc con, nhưng có nguồn thu nhập ổn định để cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, việc chị Lăng Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn TH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung đến khi 02 con đủ 18 tuổi kể từ ngày Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung của các đương sự, bảo đảm các con có điều kiện phát triển tốt nhất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Lăng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lăng Thị T và anh Nguyễn Văn TH đều xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị Lăng Thị T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lăng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn TH.

*(Đăng ký kết hôn số 20/2015, ngày 22/10/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Vân Mộng, huyện Lộc Bình nay là Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, tỉnh Lạng Sơn)*.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 24/01/2017 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/12/2019 cho anh Nguyễn Văn TH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lăng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/01con đến khi 02 (hai) con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Chị Lăng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lăng Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS KV5 – Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Duy**